



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cảng Cần Thơ

Ngày 30/06/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.5%	27.5%	32.7%

DT thuần Q2/25
52.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.6 59.3%
YoY: ▲ 12.0 29.5%

LN thuần Q2/25
1.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.57 50.9%
YoY: ▼ 0.14 -7.6%

LN sau thuế Q2/25
0.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 1.64 -68.4%
YoY: ▼ 0.25 -25.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
3.6%
YoY: +/- ▼ 4.4%

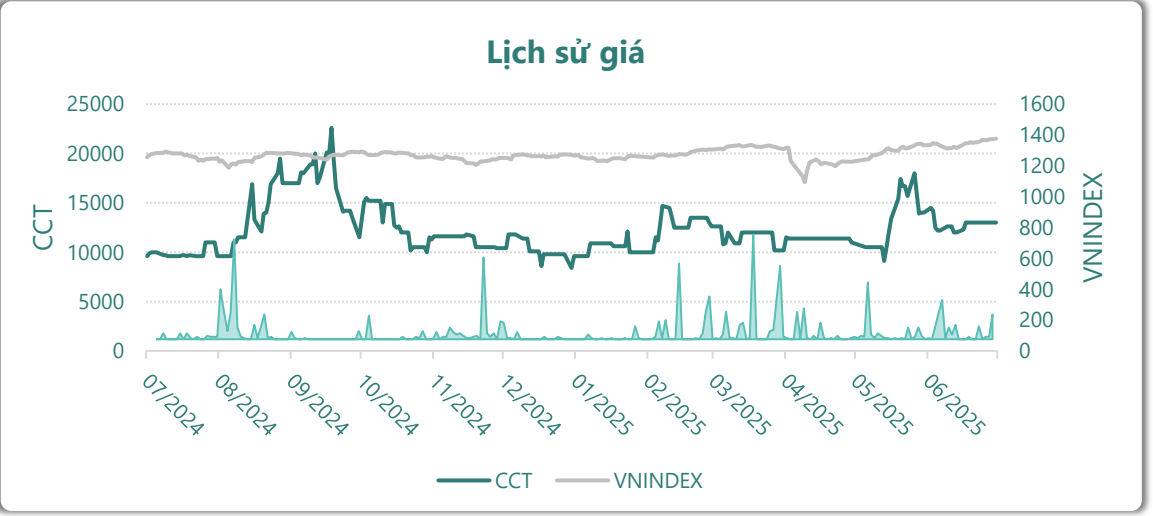
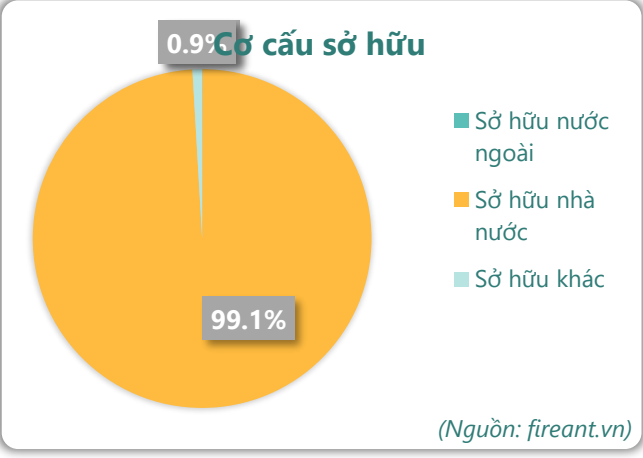
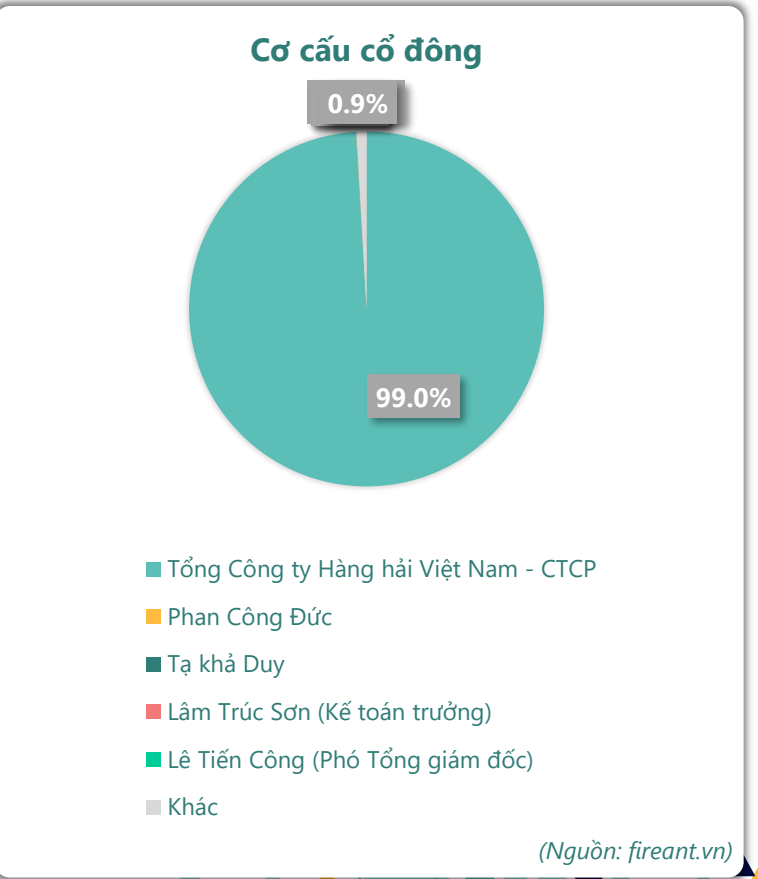
ROE (TTM) Q2/25
1.9%
YoY: +/- ▼ 0.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,400 - 22,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	370
Số lượng CPLH (CP)	28,480,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	345
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.20
EPS	177
P/E	73.4

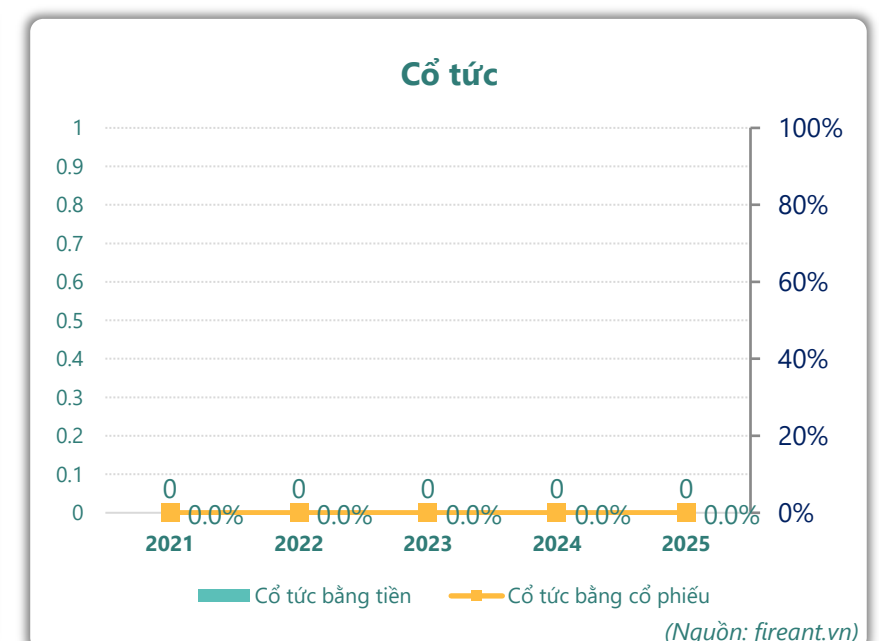
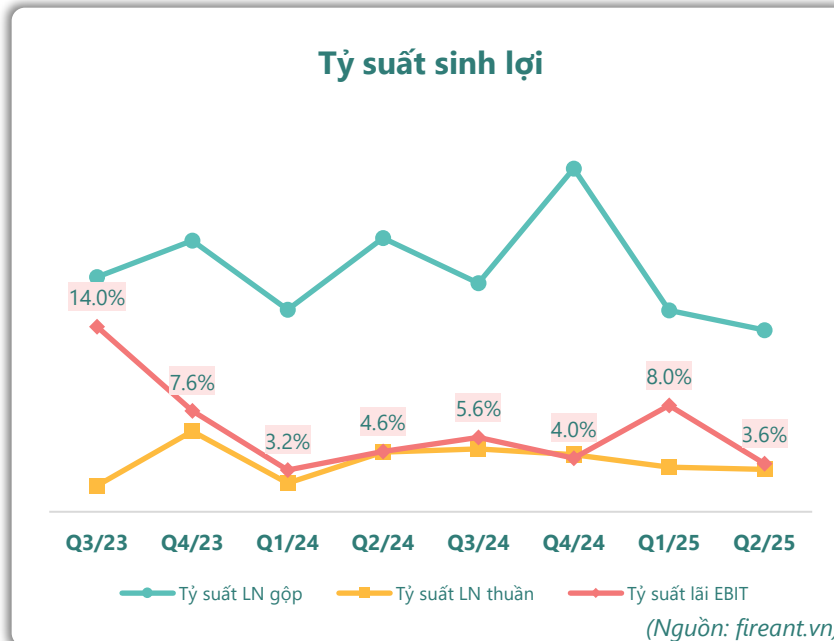
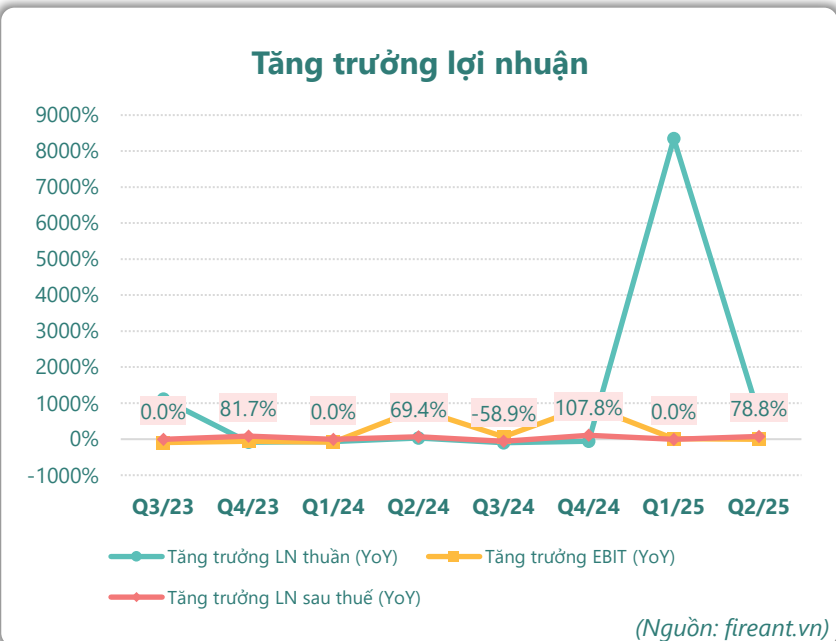
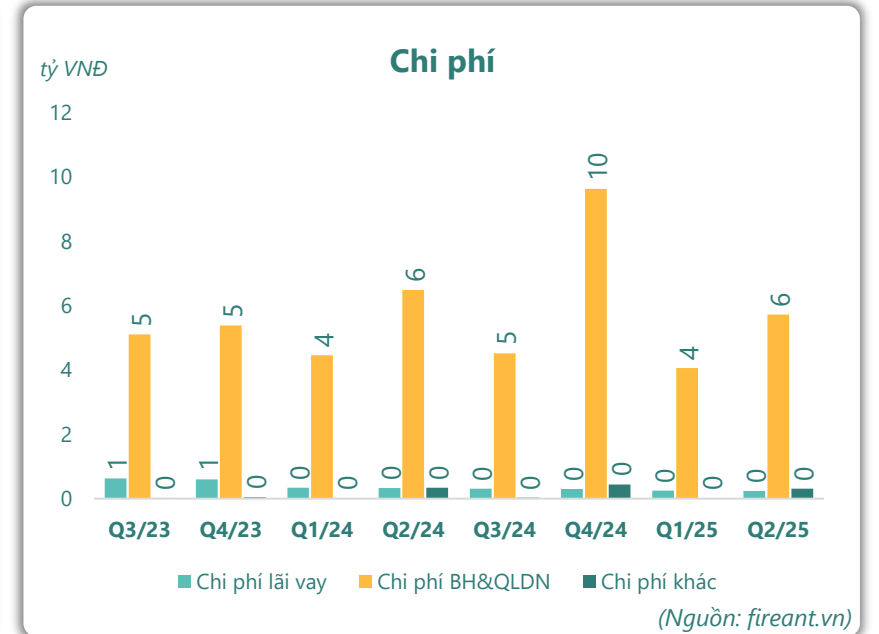
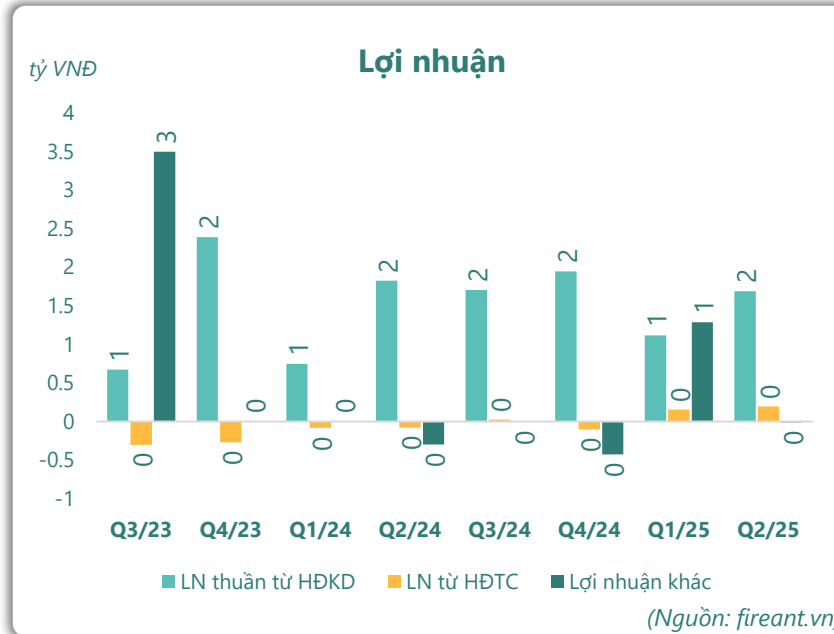
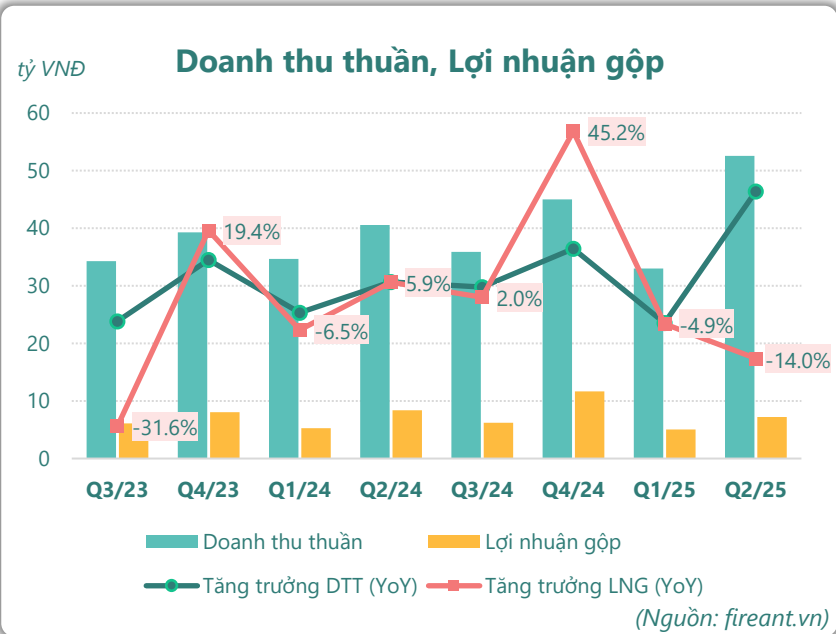
DT thuần 6T 2025
85.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.4 13.8%

LN thuần 6T 2025
2.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.23 9.1%

LN sau thuế 6T 2025
3.16
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.40 79.3%



KẾT QUẢ KINH DOANH

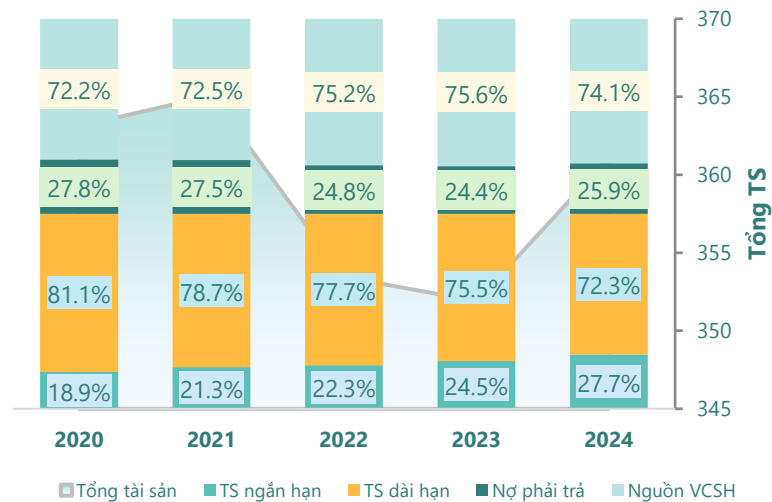




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

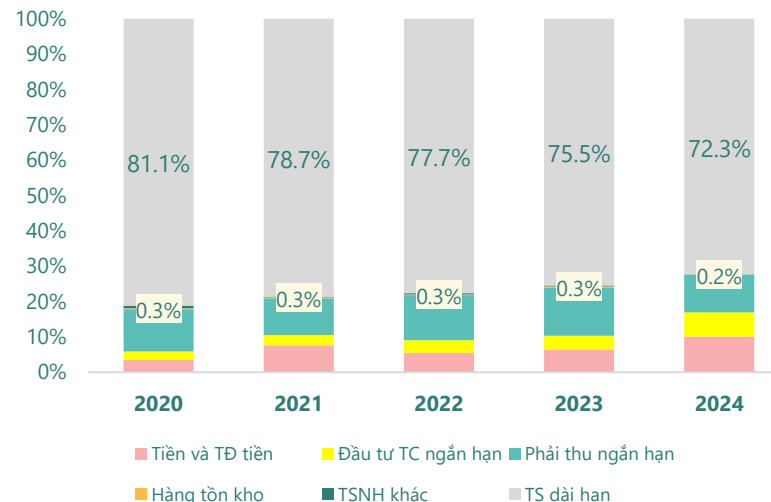
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

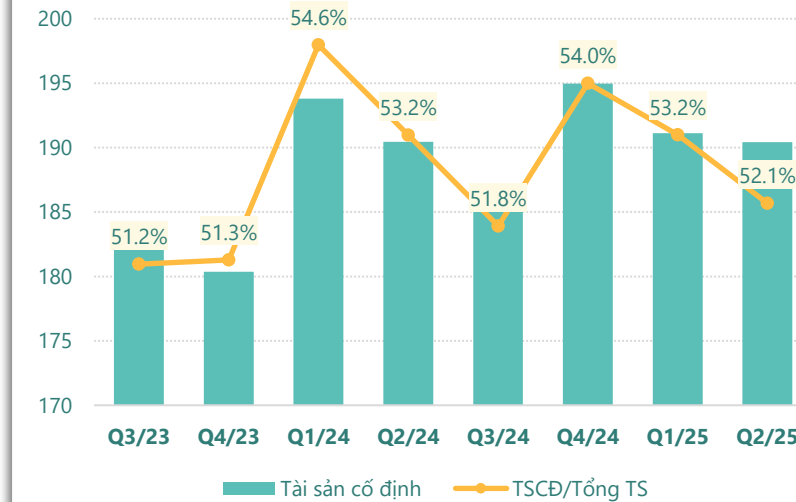
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

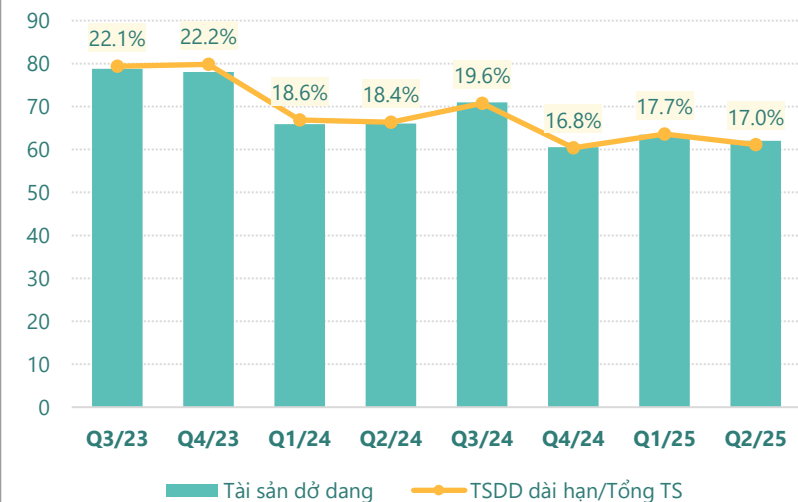
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

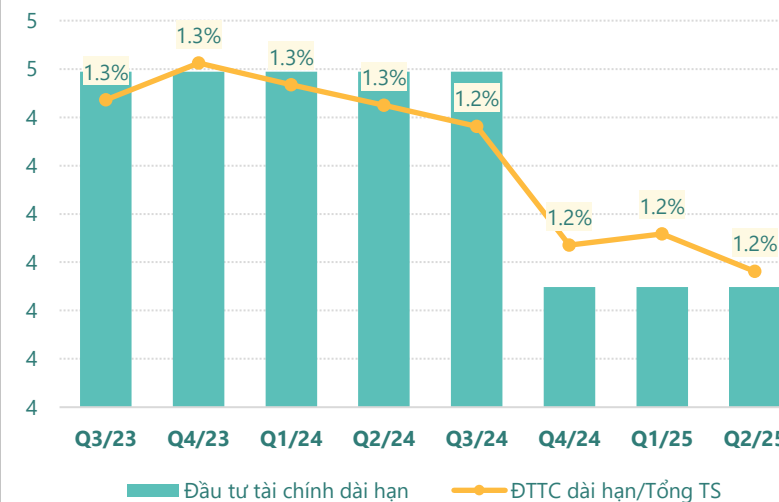
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

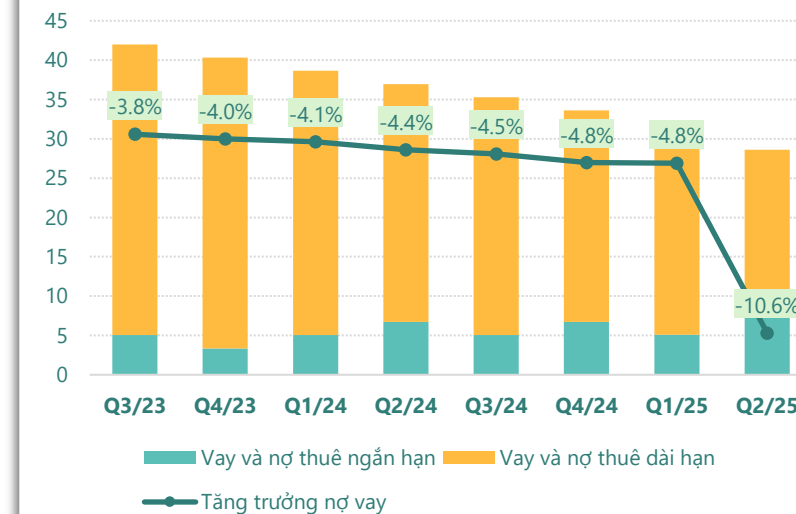
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

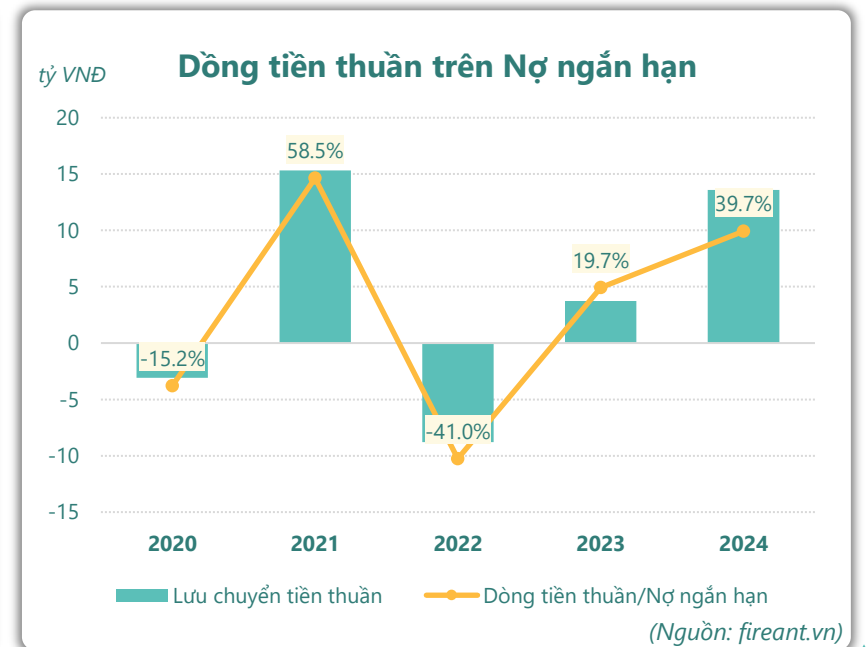
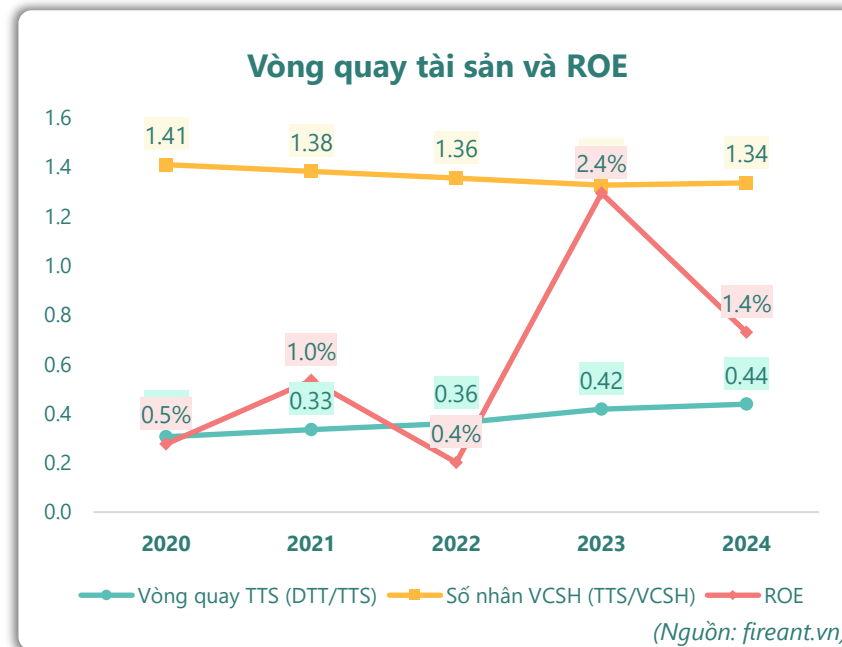
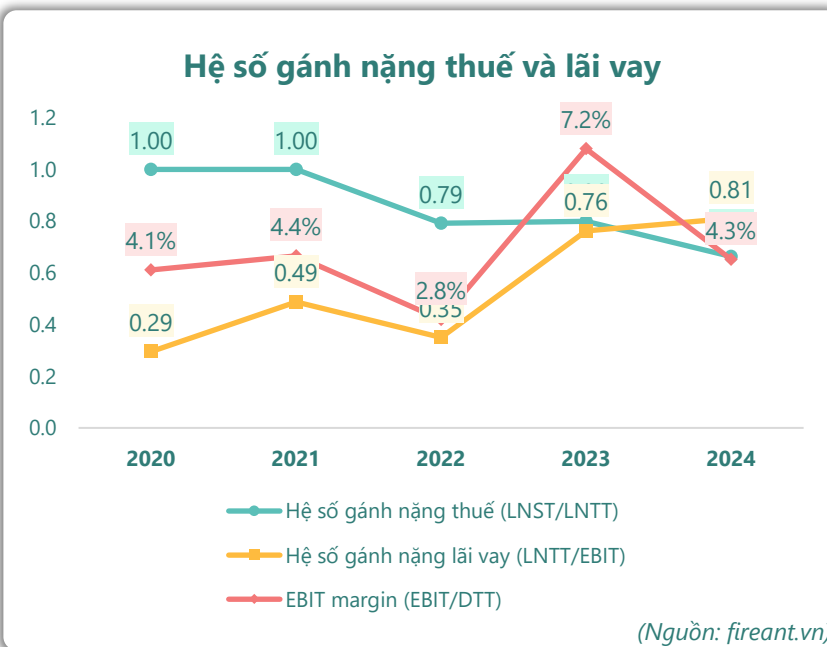
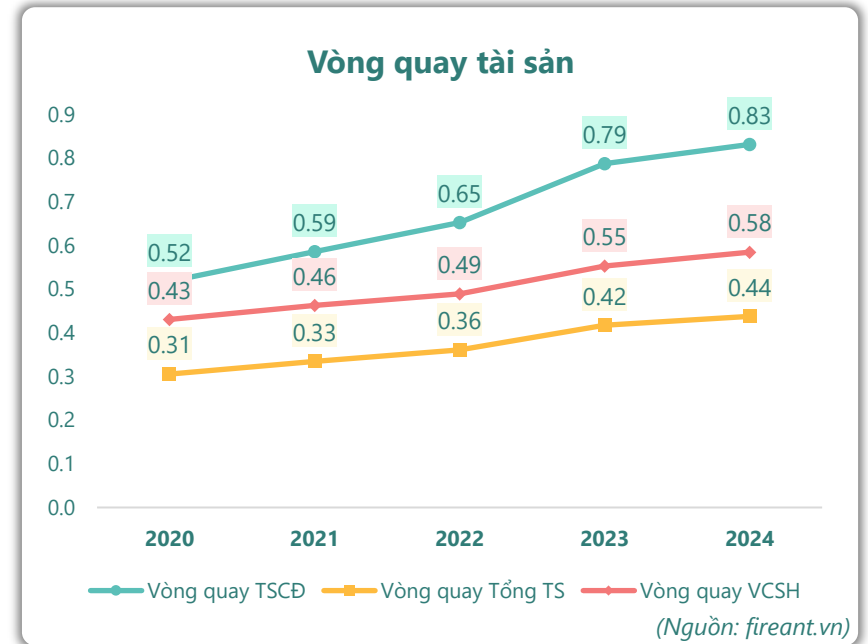
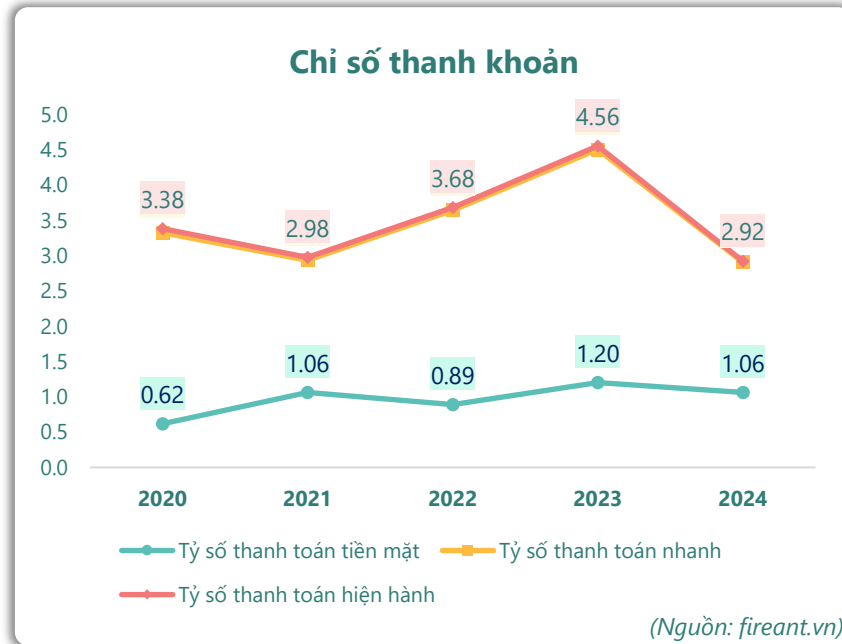
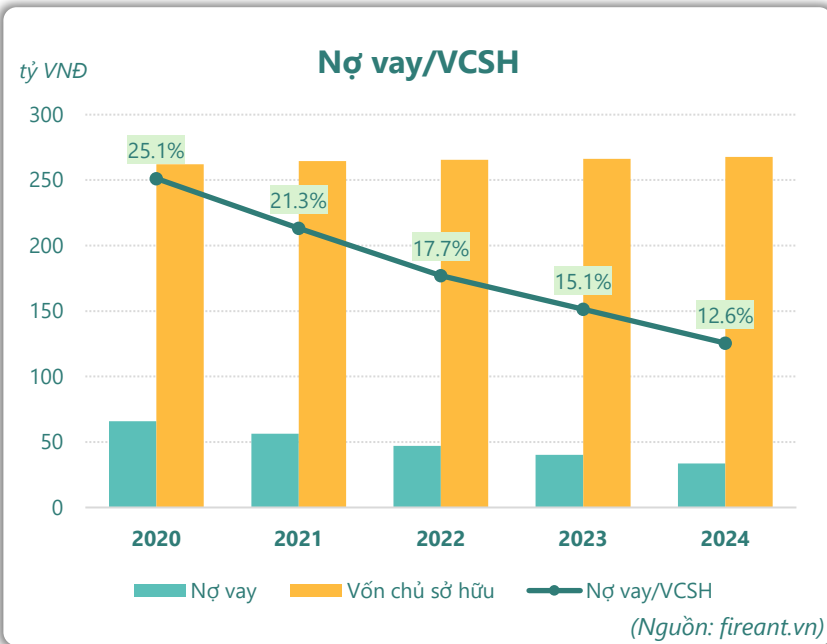
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	52.6	40.6	29.5%	85.6	75.2	13.8%
Giá vốn hàng bán	45.3	32.2	40.8%	73.3	61.5	19.2%
Lợi nhuận gộp	7.22	8.40	-14.0%	12.3	13.7	-10.5%
Doanh thu HĐTC	0.44	0.25	74.3%	0.84	0.51	65.9%
Chi phí TC	0.24	0.33	-27.2%	0.49	0.67	-26.4%
Chi phí lãi vay	0.24	0.33	-27.2%	0.49	0.67	-26.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	0.12	-79.7%	0.12	0.24	-48.5%
Chi phí QLDN	5.71	6.37	-10.4%	9.67	10.7	-9.7%
LN thuần từ HĐKD	1.69	1.83	-7.6%	2.81	2.58	9.1%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.30	95.7%	1.27	-0.30	529%
LN trước thuế	1.68	1.53	9.6%	4.08	2.28	79.2%
Lợi nhuận sau thuế	0.76	1.01	-25.0%	3.16	1.76	79.3%
LNST của CĐ cty mẹ	0.76	1.01	-25.0%	3.16	1.76	79.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.9	8.92	16.1	4.64	7.23	-8.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.98	-0.89	-13.8	-1.54	-11.5	11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.65	-1.70	-1.66	-1.70	-1.62	-3.38
Tiền đầu kỳ	22.8	28.0	34.3	35.0	36.4	30.5
Lưu chuyển tiền thuần	5.24	6.33	0.62	1.41	-5.86	-0.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	28.0	34.3	35.0	36.4	30.5	30.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	365	361	1.2%
Tài sản ngắn hạn	106	100	6.3%
Tiền và tương đương tiền	30.1	36.4	-17.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.2	24.9	-6.8%
Phải thu ngắn hạn	50.2	38.0	32.1%
Hàng tồn kho	0.62	0.56	11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.40	0.33	636%
Tài sản dài hạn	259	261	-0.8%
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Tài sản cố định	190	195	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	62.0	60.6	2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.27	4.27	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.01	1.06	89.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	94.5	93.5	1.1%
Nợ ngắn hạn	40.1	34.3	17.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.0	6.72	48.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.4	17.0	2.3%
Nợ dài hạn	54.4	59.2	-8.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	18.6	26.9	-30.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	271	268	1.2%
Vốn chủ sở hữu	271	268	1.2%
Vốn điều lệ	275	275	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

